

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HSPT
Ngày: 20-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Hương**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Võ Đình Nghị**

2. Ông **Trần Đình Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**, là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Du**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSPT ngày 08/6/2017 đối với các bị cáo Mao Phi H, Lý Trung T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Mao Phi H**, sinh năm 1972 tại Buôn Mê Thuật; Nơi cư trú: Thôn A, xã HP, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Mao Văn C, sinh năm 1931; Con bà: Lò Thị G, sinh năm 1937; Mao Phi H chung sống với bà Trần Thị L, sinh năm 1971 không đăng ký kết hôn; Có 01 con nuôi sinh năm 2006; Gia đình có 08 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2015, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Trọng. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lý Trung T**, sinh năm 1957 tại Bắc Kạn, tên thường gọi: Lý Trường T; Nơi cư trú: thôn B, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 5/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lý Văn H (đã chết); Con bà Dương Thị N (đã chết); Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1980; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009; Gia đình có 04 anh, chị em, một người còn sống sinh năm 1954.

Nhân thân: Tại Bản án số 18 ngày 18/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2015, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Trọng. Có mặt.

Trong vụ án này còn có người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; vụ án không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng truy tố, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xét xử về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối năm 2011, đầu năm 2012, Lý Trung T nghe tin về dự án khu quy hoạch sắp xếp dân di cư tự do cho người đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc được thực hiện tại tiểu khu A, xã PL, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng (gọi tắt là dự án A). Lý Trung T đến xã PL tìm hiểu để xin một suất đất cho mình thì gặp và quen một người thanh niên tự xưng là cán bộ địa chính xã PL tên là Th. T được Th phát cho một mẫu đơn phô tô về việc xin cấp đất theo dự án của huyện ĐR và nói với T dự án còn thiếu, về thu gom hồ sơ của những người có nhu cầu xin cấp đất với giá mỗi hồ sơ 500.000đ lệ phí cùng lời hứa nếu thu thập được nhiều hồ sơ thì Thế sẽ giải quyết cho T 01 suất trong dự án cùng tiền hoa hồng. Quyền lợi được hưởng trong dự án là mỗi hộ sẽ được cấp 01 hecta đất sản xuất, 01 căn nhà cấp 4, lương thực ăn trong 06 tháng và nhiều chế độ khác.

Thành liên hệ với Mao Phi H để tìm người nộp hồ sơ và tiền đưa vào dự án. Hồ liên hệ với một bà Thím tên Lương Thị P ở cùng xã HP để tìm người đi dự án. H thông báo giá làm hồ sơ là 10.000.000 (mười triệu đồng) đến 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để hưởng tiền chênh lệch. Bà P cùng người trong gia đình ở Đắc Lắc đã đóng cho H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để đăng ký 02 suất đi dự án, số tiền này H đã nhận nhưng giao cho ai thì không chứng minh được.

Cùng thời gian này bà Phấn về chơi ở xã TT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng và có kể cho mấy người trong họ hàng nghe về dự án nói trên. Những người này cử ông Lương Văn M ở xã TT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng là em ruột bà P liên hệ với bà P thì được bà P giới thiệu cho Mao Phi H. Từ đó ông M đứng ra tập hợp hồ sơ và thu tiền của bà con trong họ hàng và một số người quen để nộp cho H đăng ký đi dự án.

Để tạo lòng tin cho các hộ dân, Mao Phi H, Lý Trung T đều tự nhận mình là người làm trong dự án, đại diện cho dự án ký cam kết lập ngày 15/09/2012 có sự tham gia của ông Lương Văn M, trong đó H và T đại diện cho dự án A của huyện

ĐR và cam kết giải quyết việc cấp đất cho các hộ dân để chiếm đoạt số tiền 344.000.000đ. Do không được giao nhiệm vụ, quyền hạn gì trong dự án A nên cả Mao Phi H, Lý Trung T không thể giải quyết được việc cấp đất cho các hộ dân. Vì vậy, đến năm 2013 các hộ dân đã đồng loạt viết đơn tố cáo gửi đến cơ quan Công an và sự việc bị phát hiện.

Tổng cộng ông M tập hợp được 38 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ là của chính ông M đăng ký để xin một suất cho mình, trên thực tế chỉ có 35 hộ đóng tiền bao gồm:

- Ông Lương Văn T, ông Lò Thanh H, ông Nguyễn Thành V, bà Thùng Thị Khánh H, ông Lò Hùng A, bà Nguyễn Nhiên N, ông Trịnh Hoàng P, ông Thùng Thanh H, ông Thùng Thanh H, ông Lý Văn Q, bà Xì Thị Thanh B, ông Xì Bá V, bà Lương Thị K, bà Hoàng Thị Thu D, ông Thùng Thanh P, ông Thùng Thanh L, ông Xì Bá T, ông Lò Văn T, ông Xì Bá Tú K, ông Lò Quốc D, ông Đình Văn T, ông Hoàng Nghĩa H, bà Lương Thị Thùy T, bà Lương Thị L, ông Lương Quang T, bà Lương Thị Y, bà Trần Thị T, bà Lương Thị Tổ T, bà Lương Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Lương Quốc H, bà Lò Thị Thúy L, ông Lương Văn M mỗi người 10.000.000đ (mười triệu đồng) x 33 người = 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng). Ông Thùng Thanh H 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông Dương Hồng N 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Tổng cộng số tiền ông M đã thu thập được là 344.000.000đ (ba trăm bốn mươi bốn triệu), trong đó có 10.000.000đ (mười triệu) của ông M đóng. Số tiền này ông M đã giao cho Mao Phi H vào các ngày:

Ngày 15/8/2012 giao cho H 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) tại nhà ông M, có lập biên nhận giữa ông M và Mao Phi H.

Ngày 20/8/2012 giao cho H 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng) tại nhà bà P, có lập biên nhận giữa ông M và Mao Phi H.

Ngày 15/9/2012 giao cho H 38 bộ hồ sơ xin cấp đất của 38 hộ dân và 183.000.000đ (một trăm tám mươi ba triệu đồng) tại nhà bà P, có lập biên nhận giữa ông M và Mao Phi H.

Tất cả số tiền trên Mao Phi H khai nhận sau khi nhận tiền đã giao cho Lý Trung T nhưng không làm biên nhận gì, Lý Trung T chỉ thừa nhận 19.000.000đ, tương ứng với 500.000đ/1 hồ sơ x 38 hồ sơ.

Còn lại số tiền còn là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), ông M, bà P, Mao Phi H trừ chi phí đi lại, ăn uống của mọi người trong quá trình lo công việc hết

12.000.000đ (mười hai triệu đồng). H mượn riêng 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) để lo công việc cá nhân. Còn 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) giữa ông M, bà P, Mao Phi H thống nhất là do công việc chưa xong còn tiếp tục chi phí đi lại để làm nên chia ra mỗi người giữ 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) để tiếp tục chi phí lo công việc sau này.

Trong quá trình điều tra T khai nhận việc thực hiện hành vi là theo hướng dẫn của một người tên Th, là cán bộ địa chính xã PL, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên quá trình xác minh và cho đối chất trực tiếp với cán bộ địa chính xã PL thời gian đó xác định không hề có con người và nội dung sự việc như T đã khai nhận. Vì vậy cơ quan điều tra xác định lời khai của bị can T là không có căn cứ, khai báo gian dối nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

H khai nhận đã giao phần lớn số tiền cho Lý Trung T. Tuy nhiên quá trình giao nhận không hề công khai và không có sự chứng kiến của bất cứ ai. Việc giao nhận tiền không lập giấy tờ biên nhận gì vì vậy cơ quan điều tra xác định lời khai của H là không có căn cứ.

Đối với Lương Văn M và Lương Thị P, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định hành vi của ông M, bà P không lợi dụng danh nghĩa của dự án A để chiếm đoạt tiền của các hộ dân. Bản thân ông M, bà P cũng vì tin tưởng Mao Phi H nên cũng trực tiếp, hoặc vận động người nhà nộp hồ sơ và đóng tiền cho Mao Phi H để xin cấp đất nên không xử lý.

Riêng hành vi của bị cáo Mao Phi H thu gom hồ sơ và tiền của các hộ dân tại Đắc Lắc, trong đó có gia đình bà Lương Thị P. Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung vấn đề này nhưng Viện kiểm sát và Cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra công an Đức Trọng vẫn tách ra để Công an tỉnh Đắc Lắc điều tra, tại phiên tòa bà Lương Thị P không khiếu nại, thắc mắc vấn đề này nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Bản án số 35/2017/HSST Ngày 27/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng tuyên bố bị cáo Mao Phi H và Lý Trung T (Lý Trường T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Mao Phi H 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2015.

Lý Trung T (Lý Trường T) 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2015.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc:

Mao Phi H phải nộp số tiền 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng), Lý Trung T phải nộp 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), Bà Lương Thị P phải nộp 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) để bồi thường cho các người bị hại sau:

Bồi thường cho ông Lương Văn T, ông Lò Thanh H, ông Nguyễn Thành V, bà Thùng Thị Khánh H, ông Lò Hùng A, bà Nguyễn Nhiên N, ông Trịnh Hoàng P, ông Thùng Thanh H, ông Thùng Thanh H, ông Lý Văn Q, bà Xì Thị Thanh B, ông Xì Bá V, bà Lương Thị K, bà Hoàng Thị Thu D, ông Thùng Thanh P, ông Thùng Thanh L, ông Xì Bá T, ông Lò Văn T, ông Xì Bá Tú K, ông Lò Quốc D, ông Đinh Văn T, ông Hoàng Nghĩa H, bà Lương Thị Thùy T, bà Lương Thị L, ông Lương Quang T, bà Lương Thị Y, bà Trần Thị T, bà Lương Thị Tổ T, bà Lương Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Lương Quốc H, bà Lò Thị Thúy L, ông Lương Văn M, mỗi người 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Bồi thường cho ông Thùng Thanh H 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Bồi thường cho ông Dương Hồng N 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho các người bị hại số tiền gia đình bị cáo Lý Trung T và ông Lương Văn M đã nộp là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) theo phiếu thu số PT2016/269 ngày 22/3/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án còn tuyên lãi suất, án phí và tuyên quyền cáo.

Ngày 10/5/2017 bị cáo Mao Phi H và Lý Trung T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Xét thấy tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, cấm mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, giả là người của dự án, đứng ra ký kết các giấy tờ, dẫn người bị hại đi coi đất để các người bị hại tin tưởng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của các người bị hại tổng số tiền 334.000.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức án phù hợp với hành vi và hậu quả các bị cáo đã thực hiện. Xét cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất, hành vi, nhân thân, vai trò của các bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định. Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên kháng cáo nhưng không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới, chưa bồi thường cho người bị hại nên không có căn cứ để xem xét. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Mao Phi H và Lý Trung T (Lý Trường T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Mao Phi H 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2015.

Lý Trung T (Lý Trường T) 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2015.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND, VKSND huyện Đức Trọng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đức Trọng;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Sở tư pháp;
- Phòng KTNV-THA;
- Thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Minh Hương